

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2021

DANH SÁCH THÔNG KÊ KẾT QUẢ CUỘC THI
KỶ NIỆM 90 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH (26/3/1931-26/3/2021)

(Đính kèm theo Thông báo số: -TB/ĐTN-LTT ngày / 6/2021 của Ban Thường vụ Đoàn trường về Kết quả cuộc thi
"Kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2021)"

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
1	Nguyễn Dương Tấn Phong	20006439	20C2-CKL1	30 / 30	5	Giải nhất
2	Võ Thanh Tùng	20001428	20C1-CNÔ2	29 / 30	5	Giải nhì
3	Lương Võ Kim Ngân	20003908	20C1-QTD1	28 / 30	5	Giải ba
4	Nguyễn Thanh Nhã	20005735	20C1-KTD1	30 / 30	5	Giải khuyến khích
5	Nguyễn Trọng Tài	20007608	20C1-TKD1	30 / 30	5	Giải khuyến khích
6	Quách Huệ Bền	18005334	18T4-LTM1	30 / 30	5	Giải khuyến khích
7	Nguyễn Hữu Hải	20006283	20C2-THU1	29 / 30	5	Giải khuyến khích
8	Lại Anh Huy	19002153	19C1-CCK1	28 / 30	5	Giải khuyến khích
9	Võ Hồng Quân	19001774	19C1-LTM1	30 / 30	5	
10	Triệu Hoàng Duy	20002467	20C1-LGT1	30 / 30	5	
11	Mai Thiên Phúc	18000484	18T4-LTM1	30 / 30	5	
12	Đoàn Trịnh Minh Mẫn	18000875	18T4-LTM1	30 / 30	5	Tham gia thi nhiều lần
13	Hoàng Trần Ngọc Nghĩa	18000223	18T4-LTM1	30 / 30	5	
14	Nguyễn Trần Ngọc Thạch	18001219	18T4-LTM1	30 / 30	5	
15	Lê Công Huy	18000779	18T4-LTM1	30 / 30	5	
16	Phạm Thị Phương Tâm	18004767	18T4-LTM1	30 / 30	5	
17	Đặng Hoàng Sang	18000589	18T4-LTM1	30 / 30	5	
18	Trần Quang Vinh	18000105	18T4-LTM1	30 / 30	5	Tham gia thi nhiều lần

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
19	Phạm Thành	Trung	18T4-LTM1	30 / 30	5	
20	Trần Lê Gia	Khiêm	18T4-LTM1	30 / 30	5	
21	Võ Ngọc Gia	Phúc	18T4-LTM1	30 / 30	5	
22	Nguyễn Hoàng	Son	18T4-LTM1	30 / 30	5	
23	Phạm Nguyễn Duy	Khang	18T4-LTM1	30 / 30	5	
24	Lý Quốc	Vinh	20C1-CTM1	29 / 30	5	
25	Phạm Nguyễn Triều	Vỹ	19T4-THU1	29 / 30	5	
26	Huỳnh Thị Huệ	An	20C2-THU1	29 / 30	5	
27	Trần Huỳnh Tường	Vi	18T4-TCD2	29 / 30	5	
28	Diệp Minh	Phát	19C1-LTM1	29 / 30	5	
29	Hoàng Văn	Son	17T4-ANM	29 / 30	5	
30	Võ Phước	Đại	18T4-LTM1	29 / 30	5	
31	Ngô Đức	Minh	18T4-LTM1	29 / 30	5	
32	Nguyễn Đình An	Khang	19C1-CNÔ6	29 / 30	5	
33	Nguyễn Thanh	Sang	19C1-CNÔ6	29 / 30	5	
34	Nguyễn Minh	Huy	18T4-TKĐ1	29 / 30	5	Tham gia thi nhiều lần
35	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	18T4-TKĐ1	29 / 30	5	
36	La Đạo	Trung	18T4-TKĐ1	29 / 30	5	Tham gia thi nhiều lần
37	Cao Vũ Nhật	Huy	18T4-LTM1	29 / 30	5	Tham gia thi nhiều lần
38	Nguyễn An Quang	Phú	20T4-CNM1	29 / 30	5	
39	Đoàn Lê Thục	Mỹ	19T4-THU1	28 / 30	5	
40	Đinh Chí	Hiếu	20C1-CCK2	28 / 30	5	
41	Trần Vũ	Luân	19C1-QTM1	28 / 30	5	
42	Nguyễn Minh	Hoàng	19C1-KTD1	28 / 30	5	
43	Vũ Tiến	Đạt	20T4-THU1	28 / 30	5	
44	Mai Lê Trường	Giang	20T4-QTD1	28 / 30	5	
45	Trần Anh	Tuấn	20T4-THU1	28 / 30	5	

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
46	Võ Phạm Như Ngọc	20001826	20T4-KTD2	28 / 30	5	
47	Lê Khắc Chiến	19002817	19T4-VSL1	28 / 30	5	Tham gia thi nhiều lần
48	Ngô Công Hoàng Linh	19000127	19T4-VSL1	28 / 30	5	Tham gia thi nhiều lần
49	Sú Thuận Đạt	19000282	19T4-VSL1	28 / 30	5	
50	Nguyễn Thị Hoài Thương	18000342	18T4-TKĐ1	28 / 30	5	
51	Lâm Tuấn Phong	18001347	18T4-TKD1	28 / 30	5	
52	Phạm Tấn Phát	20000202	20C1-KML1	28 / 30	5	
53	Nguyễn Ngọc Trúc Mai	20000657	20T4-KTD2	27 / 30	5	
54	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	20000204	20T4-CNM1	27 / 30	5	
55	Lương Quang Phát	19001498	19T4-THU1	27 / 30	5	
56	Phan Minh Hiếu	19002892	19C1-QTM1	27 / 30	5	
57	Trình Phan Tấn Lộc	20004625	20C1-TCD1	27 / 30	5	
58	Hồ Thị Thanh Thúy	20002909	20C1-TCD1	27 / 30	5	
59	Nguyễn Thị Yến Hương	20006302	20C2-THU1	27 / 30	5	
60	Trương Tuấn Vũ	20001230	20T4-THU1	27 / 30	5	
61	Nguyễn Minh Thư	20001503	20T4-THU1	27 / 30	5	
62	Nguyễn Trung Nhân	20001210	20T4-THU1	27 / 30	5	
63	Bành Lê Hoàng Quân	20001745	20T4-THU1	27 / 30	5	
64	Trần Thị Thu Phương	20001177	20T4-KTD2	27 / 30	5	
65	Nguyễn Đỗ Khánh Linh	20000497	20T4-LTM1	27 / 30	5	
66	Mai Văn Hùng	20005666	20T4-ĐCN2	27 / 30	5	
67	Phạm Tường Vân	19002017	19T4-TCD1	27 / 30	5	
68	Nguyễn Thành Long	20007615	20C1-QTM1	27 / 30	5	
69	Nguyễn Trần Lĩnh	19000395	19T4-VSL1	27 / 30	5	
70	Nguyễn Hoàng Hải	18000355	18T4-LTM1	27 / 30	5	
71	Trần Đại Nam	20001819	20T4-QTM2	27 / 30	5	
72	Nguyễn Trung Kiên	19001288	19T4-VSL1	27 / 30	5	

STT	Họ và	Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
73	Đinh Nguyễn Lâm	Phát	19001749	19T4-VSL1	27 / 30	5	
74	Lê Minh	Châu	20005419	20T2-ĐCN1	27 / 30	5	
75	Nguyễn Văn	Chí	20003695	20T2-ĐCN1	27 / 30	5	
76	Huỳnh Công	Chính	20004608	20T2-ĐCN1	27 / 30	5	
77	Nguyễn Đức	Liên	19001174	19T4-VSL1	27 / 30	5	
78	Nguyễn Đức	Quyền	19001020	19T4-VSL2	27 / 30	5	
79	Nguyễn Thành	Tài	20003147	20C3-CCK1	26 / 30	5	
80	Trần Thị Ngọc	Trâm	18000578	18T4-THU1	26 / 30	5	
81	Phan Thị Quế	Anh	19004017	19C1-KTD1	26 / 30	5	
82	Mai Văn	Khang	19002350	19C1-CCK1	26 / 30	5	
83	Hoàng Vĩnh	Kiệt	18004562	18T4-CKC1	26 / 30	5	
84	Nguyễn Hồng	Ngân	18001106	18T4-QTD1	26 / 30	5	
85	Vũ Thị Phương	Thảo	19001651	19T4-THU1	26 / 30	5	
86	Hồ Tân	Khoa	20005852	20T4-TKD3	26 / 30	5	
87	Phạm Đức	Tín	19001805	19C1-CCK1	26 / 30	5	
88	Tô Toàn Hiệp	Phát	19003939	19C1-QTM1	26 / 30	5	
89	Chao Chạc	Thành	20000755	20T4-CĐT2	26 / 30	5	
90	Trần Hạnh Đông	Nghi	19004400	19C1-KTD1	26 / 30	5	
91	Lu Ngọc	Phượng	20000886	20T4-KTD1	26 / 30	5	
92	Đặng Văn	Tâm	19005057	19C1-ĐCN3	26 / 30	5	
93	Nguyễn Phương	Trung	19005280	19C1-ĐCN3	26 / 30	5	
94	Lê Như	Đức	20001522	20T4-THU1	26 / 30	5	
95	Nguyễn Hồ Nhã	Hân	20001367	20T4-TMĐ1	26 / 30	5	
96	Bùi Phan Hải	Thi	20001187	20T4-TMĐ1	26 / 30	5	
97	Tạ Minh	Hải	20002821	20T4-TCD1	26 / 30	5	
98	Ngô Trương Thanh	Lợi	20004261	20C1-CNÔ13	26 / 30	5	
99	Lý Hồng Tuyết	Sương	18000079	18T4-QTD1	26 / 30	5	

STT	Họ và	Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
100	Lê Trung	Hiếu	20000239	20C1-CNL1	26 / 30	5	
101	Trương Thị Thanh	Thảo	19000817	19T4-THU1	26 / 30	5	
102	Trần Xuân	Nghi	20002611	20C2-CNÔ1	26 / 30	5	
103	Hồ Nguyễn Ngọc	Bảo	19001339	19T4-VSL1	26 / 30	5	
104	Vũ Anh	Kiệt	18000375	18T4-TKD1	26 / 30	5	Tham gia thi nhiều lần
105	Lê Trung	Kiên	19002295	19C1-CNÔ6	26 / 30	5	Tham gia thi nhiều lần
106	Nguyễn Hoàng Phương	Khang	19002333	19C1-CNÔ6	26 / 30	5	
107	Trần Thái Tín	Đạt	19001077	19T4-VSL1	26 / 30	5	
108	Bùi Thanh	Trí	19002330	19C1-CNÔ6	26 / 30	5	
109	Nguyễn Mai Phương	Bảo	19003741	19C1-CNÔ6	26 / 30	5	
110	Nguyễn Ngọc Thành	Trí	18001056	18T4-TKD1	26 / 30	5	
111	Phan Hoàng Yến	Ngân	19003393	19T4-TMĐ1	26 / 30	5	Tham gia thi nhiều lần
112	Nguyễn Tấn	Thọ	19001078	19T4-VSL1	26 / 30	5	
113	Võ Xuân	Nam	20002645	20C1-CNÔ4	26 / 30	5	
114	Lê Việt	Long	20001422	20T4-THU1	26 / 30	5	Tham gia thi nhiều lần
115	Đỗ Minh	Đức	19000864	19T4-VSL1	26 / 30	5	
116	Nguyễn Văn	Chung	20001602	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
117	Nguyễn Hoàng	Cường	20004412	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
118	Trần Minh	Đoàn	20005394	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
119	Trần Quốc	Dũng	20000282	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
120	Lê Văn	Hiếu	20004726	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
121	Nguyễn Bá	Hòa	20004720	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
122	Huỳnh Chí	Hùng	20004806	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
123	Nguyễn Văn	Hưng	20005615	20T4-ĐCN1	26 / 30	5	
124	Nguyễn Văn	Khanh	20005430	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
125	Mai Huỳnh Anh	Khoa	20000207	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
126	Đặng Phương	Nam	20005505	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
127	Đoàn Trọng Nghĩa	20000815	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
128	On Bối Ngọc	20000138	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
129	Cao Nguyên	20004171	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
130	Nguyễn Văn Phúc Nhân	20005693	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
131	Trần Hữu Phước	20004902	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
132	Nguyễn Hoàng Phương	20003680	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
133	Lê Nguyễn Minh Quang	20000250	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
134	Lê Minh Sơn	20003629	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
135	Huỳnh Đăng Tài	20003629	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
136	Nguyễn Minh Tấn	20004710	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
137	Nguyễn Tân Thái	20003362	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
138	Lê Phúc Thiện	20005545	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
139	Phạm Lê Hoài Thương	20000921	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
140	Nguyễn Lê Thương	20004045	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
141	Phan Gia Trung	20000367	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
142	Phan Đình Xuân Trường	20000367	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
143	Hồ Xuân Tú	20005404	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
144	Lê Nguyễn Tú Tú	20005241	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
145	Bùi Thanh Tùng	20007671	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
146	Nguyễn Vũ Xuân Uyên	20002242	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
147	Nguyễn Ngọc Vinh	20000797	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
148	Hồ Nhật Vy	20004501	20T2-ĐCN1	26 / 30	5	
149	Huỳnh Nhật Trường	18000501	18T4-TKD1	26 / 30	5	
150	Nguyễn Hữu Đạt	18005710	18T4-TKD1	26 / 30	5	
151	Nguyễn Phương Thảo Nguyên	20005057	20C1-QNH1	26 / 30	5	
152	Nguyễn Dương Thanh	19000016	19C1-CNL1	26 / 30	5	
153	Dư Tấn Phát	19000706	19T4-VSL2	26 / 30	5	Tham gia thi nhiều lần

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
154	Bùi Đăng Khoa	19001446	19T4-VSL1	26 / 30	5	Tham gia thi nhiều lần
155	Trần Minh Phúc	20000504	20T4-TKĐ1	26 / 30	5	
156	Trịnh Công Sơn	19000401	19T4-VSL2	26 / 30	5	
157	Nguyễn Cảnh Vũ	19000719	19T4-CNÔ4	26 / 30	5	
158	Nguyễn Lê Tường Vy	18001197	18T4-TKĐ1	26 / 30	5	
159	Hoàng Phú	18005711	18T4-TKĐ1	26 / 30	5	
160	Đỗ Như Thụy	18000926	18T4-TKĐ1	26 / 30	5	
161	Nguyễn Thành Nhân	20005787	20C1-TCD1	26 / 30	5	
162	Phạm Nguyễn Anh Quân	18000762	18T4-LTM1	26 / 30	5	Tham gia thi nhiều lần
163	Phạm Phú Thịnh	18000675	18T4-TKĐ1	26 / 30	5	
164	Phạm Đăng Phương	19000755	19T4-TCD1	26 / 30	5	
165	Nguyễn Hoàng Yến	18000429	18T4-TCD1	26 / 30	5	
166	Võ Hoài Linh	20003993	20C1-CNÔ11	26 / 30	5	
167	Phạm Tuấn Anh	18000313	19T4-VSL1	26 / 30	5	
168	Đinh Công Nam	19002121	19C1-CCK1	25 / 30	5	
169	Tô Chí Trung	18001267	18T4-CKC1	25 / 30	5	
170	Nguyễn Quốc Bảo	19004444	19C1-QTM1	25 / 30	5	
171	Lê Minh Huy	18000424	18T4-CKC1	25 / 30	5	
172	Nguyễn Quang Trí	18002772	18T4-CKC1	25 / 30	5	
173	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19004812	19C2-QTD1	25 / 30	5	
174	Bùi Thị Khánh Ly	20004205	20C1-CNM1	25 / 30	5	
175	Nguyễn Quang Minh	19000221	19T4-THU1	25 / 30	5	
176	Phạm Hoàng Sang	19003959	19T4-THU1	25 / 30	5	
177	Phùng Gia Nghi	20000870	20T4-QTM1	25 / 30	5	
178	Đỗ Duy Khiêm	19005088	19C1-ĐCN3	25 / 30	5	
179	Trần Trung Nghĩa	20005284	20C1-CNL2	25 / 30	5	
180	Nguyễn Đăng Trí	20002793	20C1-CNL1	25 / 30	5	

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
181	Nguyễn Thanh	Thúy	18T4-TCD1	25 / 30	5	
182	Phạm Đại Gia	Khang	20T4-THU1	25 / 30	5	
183	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	20T4-TCD1	25 / 30	5	
184	Võ Đức Lý	Khang	19T4-CCK1	25 / 30	5	
185	Lê Xuân	Trang	20C1-KTD1	25 / 30	5	
186	Đinh Minh	Tính	20T4-KTD2	25 / 30	5	
187	Lê Anh	Tuấn	20T4-CNL1	25 / 30	5	
188	Nguyễn Quốc	Thịnh	20T4-CNL1	25 / 30	5	
189	Huỳnh Thị Thùy	Trang	20T4-NNA1	25 / 30	5	
190	Huỳnh Chí	Bảo	19C1-CNÔ6	25 / 30	5	
191	Nguyễn Hùng	Phát	18T4-TKD1	25 / 30	5	
192	Phan Hùng	Cường	19T4-VSL1	25 / 30	5	
193	Tô Khánh	Văn	20C1-CNÔ4	25 / 30	5	
194	Trương Thành	Tân	20T2-ĐCN1	25 / 30	5	
195	Nguyễn Công	Thành	20T2-ĐCN1	25 / 30	5	
196	Phạm Tiến	Thành	20T2-ĐCN1	25 / 30	5	
197	Nguyễn Xuân	Hòa	20C6-CNÔ1	25 / 30	5	
198	Nguyễn Phương	Yên	19T4-VSL2	25 / 30	5	
199	Hồ Trọng	Tính	19T4-VSL1	25 / 30	5	
200	Trần Đặng Hà	Nhi	18T4-TKĐ1	25 / 30	5	
201	Lê Minh	Mẫn	18T4-TKD1	25 / 30	5	
202	Nguyễn Trí	Thông	19T4-VSL2	25 / 30	5	
203	Lâm Thị Bé	Mi	20T4-KLB1	25 / 30	5	
204	Nguyễn Thị Quế	Trân	18T4-QTD1	24 / 30	3	
205	Đinh Hoàng	Tuấn	19T4-THU1	24 / 30	3	
206	Tất Trung	Thành	19T4-THU1	24 / 30	3	
207	Đinh Thị Thanh	Trúc	20T4-KTD2	24 / 30	3	

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
208	Huỳnh Kim Ngân	20002426	20T4-KTD2	24 / 30	3	
209	Nguyễn Minh Tân	19001815	19C1-QTM1	24 / 30	3	
210	Nguyễn Thành Pháp	20003774	20C1-CNM1	24 / 30	3	
211	Lê Thị Thu Hương	20002621	20T4-TCD1	24 / 30	3	
212	Nguyễn Tấn Sĩ	19005237	19C1-ĐĐT2	24 / 30	3	
213	Nguyễn Hoài Nam	20001967	20T4-THU1	24 / 30	3	
214	Huỳnh Ngô Anh Quân	20000751	20T4-THU1	24 / 30	3	
215	Nguyễn Anh Quốc	20000900	20T4-THU1	24 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
216	Trịnh Đình Thăng	20003548	20C1-CNÔ8	24 / 30	3	
217	Trần Đức Lương	18000491	18T4-CNÔ2	24 / 30	3	
218	Võ Thành Tín	19005212	19C1-LTM1	24 / 30	3	
219	Nguyễn Bảo Trâm	20002979	20T4-KTD2	24 / 30	3	
220	Huỳnh Gia Huy	18001010	18T4-LTM1	24 / 30	3	
221	Trần Anh Huy	19000831	19T4-VSL1	24 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
222	Nguyễn Tín Hòa	18001083	18T4-LTM1	24 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
223	Đặng Quang Vinh	19002298	19C1-CNÔ6	24 / 30	3	
224	Nguyễn Duy Khang	18000656	18T4-TKD1	24 / 30	3	
225	Nguyễn Trọng Tín	19000732	19T4-CNÔ4	24 / 30	3	
226	Phạm Minh Nhật	18000450	18T4-TKD1	24 / 30	3	
227	Nguyễn Gia Tuệ	18000628	18T4-LTM1	24 / 30	3	
228	Nguyễn Quốc Thắng	20003826	20C1-CNÔ11	24 / 30	3	
229	Vũ Đức Tuấn	19004094	19C1-KML2	24 / 30	3	
230	Nguyễn Thành Nghĩa	19001653	19T4-CKC1	23 / 30	3	
231	Phạm Gia Bảo	18000274	18T4-THU1	23 / 30	3	
232	Phan Anh Huy	19002258	19T4-THU1	23 / 30	3	
233	Lê Minh Đạt	19001836	19C1-KML1	23 / 30	3	
234	Đỗ Quốc Thành	19004485	19T4-THU1	23 / 30	3	

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
235	Đỗ Văn Mến	20003660	20C1-CCK2	23 / 30	3	
236	Trần Đức Huy	19001914	19T4-THU1	23 / 30	3	
237	Đoàn Văn Chiến	19001813	19C1-QTM1	23 / 30	3	
238	Nguyễn Quốc Đạt	20004186	20C1-CTM1	23 / 30	3	
239	Nguyễn Thị Khánh Ly	20000253	20T4-KTD1	23 / 30	3	
240	Lê Thị Kim Lộc	20000396	20T4-TKĐ1	23 / 30	3	
241	Đặng Hoài Anh	20001818	20T4-KTD1	23 / 30	3	
242	Tô Huỳnh Thanh Vũ	19001299	19T4-CMT1	23 / 30	3	
243	Cao Duy Nguyên	20000407	20T4-THU1	23 / 30	3	
244	Trần Thanh Hải	20001815	20T4-THU1	23 / 30	3	
245	Nguyễn Tấn Lộc	20002318	20T4-THU1	23 / 30	3	
246	Trần Văn Cường	20005503	20T4-ANM1	23 / 30	3	
247	Tăng Trí Thành	20003529	20C1-CNÔ8	23 / 30	3	
248	Lê Đại Thuận	20000882	20T4-TKD2	23 / 30	3	
249	Đặng Thị Mỹ Châu	19005392	19C1-KTD1	23 / 30	3	
250	Lê Khả Vy	18000134	18T4-KTD1	23 / 30	3	
251	Tiêu Trọng Hoàng Nhân	19004337	19C1-CNÔ14	23 / 30	3	
252	Nguyễn Vi Bảo Ngọc	19001347	19T4-TCD1	23 / 30	3	
253	Nguyễn Minh Đạt	20002662	20C1-CNÔ4	23 / 30	3	
254	Hà Duy Long	19000658	19T4-CNÔ4	23 / 30	3	
255	Trương Cao Nguyên	18000566	18T4-LTM1	23 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
256	Trần Ngọc Xuân Nhi	20002221	20T4-KLB1	23 / 30	3	
257	Nguyễn Tuấn Dũng	18000837	18T4-LTM1	23 / 30	3	
258	Lê Minh Trường	19002819	19T4-VSL1	23 / 30	3	
259	Lê Nguyễn Hồng Duyên	2000597	20T4-CNM1	22 / 30	3	
260	Nguyễn Thị Thúy Hằng	20005486	20C1-TCD1	22 / 30	3	
261	Bùi Tuấn Phúc	20002880	20T4-THU1	22 / 30	3	

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
262	Trần Hồ Phi	Hùng	20T4-THU1	22 / 30	3	
263	Trần Huy	Vũ	20T4-THU1	22 / 30	3	
264	Lê Ngô Thanh	Thảo	20T4-THU1	22 / 30	3	
265	Phạm Anh	Thông	20T4-THU1	22 / 30	3	
266	Lê Vũ Hoàng	Yến	20T4-THU1	22 / 30	3	
267	Nguyễn Thị Hải	Ly	20T4-NNA2	22 / 30	3	
268	Trần Thanh	Trung	20T4-TMĐ1	22 / 30	3	
269	Trần Xuân	Phú	20T4-ANM1	22 / 30	3	
270	Phạm Mai Tâm	Như	20T4-TKĐ1	22 / 30	3	
271	Từ Cao	Trí	20T4-CNL1	22 / 30	3	
272	Trần Thành	Nam	19T4-CNÔ4	22 / 30	3	
273	Nguyễn Tiến	Mạnh	19T4-VSL1	22 / 30	3	
274	Nguyễn Hoàng	Luân	19T4-VSL1	22 / 30	3	
275	Huỳnh Nguyễn Xuân	Thy	20C1-CNM1	21 / 30	3	
276	Trương Thị Tuyết	Mai	20C1-CNM1	21 / 30	3	
277	Hồ Thị Khánh	Thy	20C1-CNM1	21 / 30	3	
278	Nguyễn Kim	Ngân	20C1-CNM1	21 / 30	3	
279	Đoàn Thị Phương	Anh	20T4-KTD2	21 / 30	3	
280	Võ Xuân	Diệu	20C1-CCK2	21 / 30	3	
281	Phan Thị Ngọc	Trinh	20C1-TCD1	21 / 30	3	
282	Vũ Công	Bảo	20T4-THU1	21 / 30	3	
283	Nguyễn Thị Bảo	Trân	19T4-THU1	21 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
284	Trương Bảo	Nhi	20T4-TKD1	21 / 30	3	
285	Tạ Bùi Đức	Thắng	20T4-THU1	21 / 30	3	
286	Phạm Minh	Đức	20T4-TKD1	21 / 30	3	
287	Đặng Nhật	Huy	20T4-THU1	21 / 30	3	
288	Cao Hoàng	Nam	20C1-CNÔ9	21 / 30	3	

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
289	Nguyễn Phạm Hoàng	Khôi	20T4-THU1	21 / 30	3	
290	Trần Thị Diệu	Anh	19C1-CNM1	21 / 30	3	
291	Phan Tuấn	Anh	20C1-CNÔ4	21 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
292	Võ Trần Hợp	Tiến	18T4-TKĐ1	21 / 30	3	
293	Bùi Văn	Tiến	19C1-TKW1	21 / 30	3	
294	Nguyễn Văn Thanh	Vũ	19C1-CNÔ14	21 / 30	3	
295	Trần Lê	Thịnh	19T4-CĐT1	21 / 30	3	
296	Trần Đức	Khoa	19T4-CNÔ4	21 / 30	3	
297	Nguyễn Quốc	Huy	20C1-CNÔ11	21 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
298	Trần Chí	Nhân	20T4-CKC1	20 / 30	3	
299	Nguyễn Thị Yến	Nhi	20C1-CNM1	20 / 30	3	
300	Mai Văn	Hùng	19T4-TCD1	20 / 30	3	
301		Re	20C1-CNM	20 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
302	Dương Kim	Ngân	18T4-QTD1	20 / 30	3	
303	Võ Thị Thanh	Tuyền	20C1-CNM1	20 / 30	3	
304	Nguyễn Trần Mỹ	Tiên	20T4-KTD1	20 / 30	3	
305	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	20T4-KTD2	20 / 30	3	
306	Hồ Văn	Phước	19C1-QTM1	20 / 30	3	
307	Đặng Long	Hồ	20C1-CĐT1	20 / 30	3	
308	Nguyễn Ngọc Thuý	Vân	19T4-TCD1	20 / 30	3	
309	Trương Thanh	Phúc	20C1-CNÔ8	20 / 30	3	
310	Huỳnh Đặng Bảo	Long	20T4-CKC1	20 / 30	3	
311	Đỗ Công	Nghiệp	20C1-CNÔ4	20 / 30	3	
312	Trần Huy	Hoàng	20T4-ĐCN2	20 / 30	3	
313	Lê Hoàng	Minh	20T4-CNL1	20 / 30	3	
314	Lâm Quang	Long	20T4-ĐHD1	20 / 30	3	
315	Trần Hoàng	Phát	20T4-ANM1	19 / 30	3	

STT	Họ và	Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
316	Nguyễn Thị Anh	Thư	20004581	20C1-KLB1	19 / 30	3	
317	Đình Văn	Quang	20002168	20T4-CMT1	19 / 30	3	
318	Thái	Hòa	19002636	19T4-THU1	19 / 30	3	
319	Trần Đăng	Quang	19000144	19T4-TMĐ1	19 / 30	3	
320	Phạm Hữu	Đang	20002385	20C1-TCD1	19 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
321	Huỳnh Võ Hạnh	Hiếu	20000633	20T4-TKĐ1	19 / 30	3	
322	Trần Văn Thiên	Luân	20004832	20T4-THU1	19 / 30	3	
323	Lê Nguyễn Xuân	Thu	20001528	20T4-KTD2	19 / 30	3	
324	Huỳnh Lê Huy	Hoàng	20003443	20C1-CNÔ8	19 / 30	3	
325	Phan Tuấn	Vũ	20003455	20C1-CNÔ8	19 / 30	3	
326	Võ Hoàng	Nam	20001537	20T4-LĐL1	19 / 30	3	
327	Nguyễn Vũ	Huy	20001330	20T4-LĐL1	19 / 30	3	
328	Dương Tấn Vũ	Phuong	19004570	19C2-CNÔ1	19 / 30	3	
329	Nguyễn Lê Đức	Anh	20002472	20T4-ANM1	19 / 30	3	
330	Hồ Đăng Trọng	Vũ	20006700	20T4 TMĐ1	19 / 30	3	
331	Nguyễn Huỳnh Phi	Long	19001903	19T4-VSL2	19 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
332	Lâm Bình	An	19004396	19T4-TMĐ1	19 / 30	3	
333	Bùi Tuấn	Khanh	20004329	20C1-CNÔ13	19 / 30	3	
334	Lê Anh	Dũng	19001606	19C1-CCK1	18 / 30	3	
335	Phạm Duy	Tài	19001421	19T4-THU1	18 / 30	3	
336	Nguyễn Tuệ	Khuong	20006718	20C1-CNM1	18 / 30	3	
337	Phan Minh	Trân	20003773	20C1-ĐCN1	18 / 30	3	
338	Điền Hoàng	Anh	20003563	20C1-CNÔ8	18 / 30	3	
339	Hứa Thành	Lợi	20003424	20C1-CNÔ8	18 / 30	3	
340	Phạm Tuấn	Vũ	20003593	20C1-CNÔ8	18 / 30	3	
341	Lại Thế	Quyền	19004676	19C2-CNÔ1	18 / 30	3	
342	Lê Nhật	Tân	19005435	19C2-CNÔ1	18 / 30	3	

STT	Họ và Tên	Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
343	Tô Nguyễn Thanh	Đông	20003101	20T4-ANM	18 / 30	3	
344	Nguyễn Thành	Danh	20001907	20T4-ANM1	18 / 30	3	
345	Trần Vũ Minh	Quân	20001334	20T4-TKD2	18 / 30	3	
346	Tô Phạm Minh	Quân	20001523	20T4-TKĐ3	18 / 30	3	
347	Nguyễn Văn Tuấn	Kiệt	20004975	20C2-CNÔ1	18 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
348	Nguyễn Hải	Đăng	20004164	20C1-CNÔ13	18 / 30	3	
349	Hồng Tú	Phượng	20000952	20T4-KLB1	18 / 30	3	
350	Trần Minh Trâm	Anh	20001124	20T4-CNM1	17 / 30	3	
351	Lâm Thị Nhã	Thơ	20002236	20C1-CNM1	17 / 30	3	
352	Lê Nguyễn Trung	Hiếu	19000030	19T4-THU1	17 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
353	Phạm Quốc	Việt	19001777	19T4-THU1	17 / 30	3	
354	Nguyễn Đào Minh	Quang	19000655	19T4-CĐT1	17 / 30	3	
355	Phạm Ngọc Bảo	Ngân	20000470	20T4-TKĐ1	17 / 30	3	
356	Lê Minh	Sang	19000007	19C1-TĐH1	17 / 30	3	
357	Nguyễn Hoàng	Thân	20005279	20T4-THU1	17 / 30	3	
358	Nguyễn Huy	Đạt	20002107	20T4-QTM1	17 / 30	3	
359	Nguyễn Minh	Hiếu	20003519	20C1-CNÔ8	17 / 30	3	
360	Nguyễn Thanh	Tùng	20003423	20C1-CNÔ8	17 / 30	3	
361	Nguyễn Minh	Hậu	20003444	20C1-CNÔ8	17 / 30	3	
362	Rơ Ông Ha	Tim	20003491	20C1-CNÔ8	17 / 30	3	
363	Nguyễn Anh	Thái	20003477	20C1-CNÔ8	17 / 30	3	
364	Phan Huỳnh Phát	Đạt	20005385	20T4-THU1	17 / 30	3	
365	Trần Quang	Định	20001895	20T4-THU1	17 / 30	3	
366	Nguyễn Hải	Triều	20002201	20T4-NNA2	17 / 30	3	
367	Vũ Nguyễn Minh	Duy	20004282	20T4-ANM1	17 / 30	3	
368	Phạm Thị Diệu	Minh	2000902	20T4-TKD2	17 / 30	3	
369	Phan Thanh	Phong	20001665	20T4-CNL1	17 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
370	Nguyễn Huỳnh Gia Bảo	19000966	19T4-VSL1	17 / 30	3	
371	Tô Chí Cường	20004220	20C1-CNÔ13	17 / 30	3	
372	Nguyễn Tấn Phát	19004472	19T4-THU1	16 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
373	Nguyễn Văn Sang	19002113	19C1-CNÔ5	16 / 30	3	
374	Nguyễn Đức Phát	20002187	20T4-TCD1	16 / 30	3	
375	Ngô Ngọc Ánh	20002191	20T4-ANM1	16 / 30	3	
376	Đặng Thế Duy	19003610	19C3-CNÔ2	16 / 30	3	
377	Trương Quốc Khánh	19005037	19C1-CNÔ14	16 / 30	3	
378	Nguyễn Trần Hiếu Nhân	20000862	20T4-TKĐ2	16 / 30	3	
379	Nguyễn Thanh Hiếu	19001014	19T4-VSL1	16 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
380	Trần Lại Thái Sơn	19000876	19T4-CNÔ4	16 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
381	Võ Ngọc Hoài Như	20001556	20T4-KLB1	16 / 30	3	
382	Bùi Hồng Dũng	18003361	18T4-TCD1	16 / 30	3	
383	Nguyễn Đình Nhân	18001966	18T4-TCD1	16 / 30	3	
384	Nguyễn Đặng An Ninh	19002343	19T4-THU1	16 / 30	3	
385	Phạm Minh Tuấn	20007598	20C1-CNM1	15 / 30	3	
386	Đặng Minh Đức	20000788	20T4-CMT1	15 / 30	3	
387	Nguyễn Hồ Phương Anh	19000993	19T4-THU1	15 / 30	3	
388	Bùi Huỳnh Thùy Trang	20004319	20C1-CNM1	15 / 30	3	
389	Võ Thanh Vy	19001562	19T4-THU1	15 / 30	3	
390	Nguyễn Hoàng Long	19001260	19T4-THU1	15 / 30	3	
391	Lê Anh Tuấn	20004240	20C1-CCK2	15 / 30	3	
392	Nguyễn Đoàn Hiền Thực	20000041	20T4-TKĐ1	15 / 30	3	
393	Nguyễn Tuyết Ngân	20000068	20T4-TKĐ1	15 / 30	3	
394	Nguyễn Duy Bảo Duyệt	20003462	20C1-CNÔ8	15 / 30	3	
395	Trần Đức Toàn	20003524	20C1-CNÔ8	15 / 30	3	
396	Điền Hai Nhật	20003553	20C1-CNÔ8	15 / 30	3	

STT	Họ và	Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
397	Đặng Huy	Bình	19004853	19C2 - CNO1	15 / 30	3	
398	Trần Thanh	Sang	19002137	19C1-CNÔ5	15 / 30	3	
399	Tạ Đình Minh	Đức	19004025	19T4-VSL1	15 / 30	3	
400	Nguyễn Phan Quỳnh	Mai	19001608	19T4-TMĐ1	15 / 30	3	Tham gia thi nhiều lần
401	Lê Nguyễn Tuấn	Huy	20001574	20T4-KLB1	15 / 30	3	
402	Trần Anh	Duy	20001572	20T4-THU1	14 / 30	1	
403	Thị	Gái	20003913	20C1-CNM1	14 / 30	1	
404	Lê Ngọc	Yến	20005722	20C1-TCD1	14 / 30	1	
405	Trần Đình Anh	Khôi	20001364	20T4-THU1	14 / 30	1	
406	Nguyễn Văn	Ánh	20003523	20C1-CNÔ8	14 / 30	1	
407	Phan Lê	Kiên	20003446	20C1-CNÔ8	14 / 30	1	
408	Nguyễn Hoàng	Sậm	19002135	19C1-CNÔ5	14 / 30	1	
409	Nguyễn Ngọc Khánh	Đăng	20003075	20T4-THU1	14 / 30	1	
410	Lê Duy	Phát	19004438	19C2-CNÔ1	14 / 30	1	
411	Lưu Diệu	Chương	19005411	19C2-CNÔ1	14 / 30	1	
412	Tô Khánh	Duy	20002751	20C1-CNÔ4	14 / 30	1	
413	Lê Thị Thảo	Anh	20002211	20T4-ANM1	14 / 30	1	
414	Dương Minh	Triết	20000745	20T4-ANM1	14 / 30	1	
415	Nguyễn Trương Như	Sáng	20002127	20T4-CMT1	14 / 30	1	
416	Mai Quốc	Khánh	20004373	20C1-CNÔ13	14 / 30	1	
417	Ngô Trịnh Bảo	Ngân	20000687	20T4-TKĐ2	14 / 30	1	
418	Nguyễn Khánh	Duy	19004315	19T4-VSL2	14 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
419	Nguyễn Thành	Phát	19000762	19T4-CNÔ4	14 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
420	Quách Phúc	Trung	18000530	18T4-CKC1	13 / 30	1	
421	Phạm Thị Diễm	Quỳnh	20004360	20C1-CNM2	13 / 30	1	
422	Nguyễn Trung	Trúc	20002094	20T4-CMT1	13 / 30	1	
423	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	18000916	18T4-QTD1	13 / 30	1	

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
424	Đoàn Hoàng Nam	20003499	20C1-CNÔ8	13 / 30	1	
425	Nguyễn Phúc An Khang	20004445	20C1-CNÔ8	13 / 30	1	
426	Phạm Quốc Khải	20003592	20C1-CNÔ8	13 / 30	1	
427	Trịnh Minh Trí	20003506	20C1-CNÔ8	13 / 30	1	
428	Lưu Nhựt Vinh	20003489	20C1-CNO8	13 / 30	1	
429	Phan Thành Vinh	20000573	20T4-THU1	13 / 30	1	
430	Trần Quốc Thái	20002059	20T4-NNA2	13 / 30	1	
431	Nguyễn Văn Đăng	19002208	19C1-CNÔ5	13 / 30	1	
432	Ngô Minh Nhật	19004697	19C2-CNÔ1	13 / 30	1	
433	Dương Hoàng Ân	20001914	20T4-LTM2	13 / 30	1	
434	Ngô Phương Quỳnh	20002270	20T4-KTD2	13 / 30	1	
435	Nguyễn Vũ Mạnh Phước	20002436	20T4-CNL1	13 / 30	1	
436	Phạm Hồng Tú	19002285	19C1-CNÔ6	13 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
437	Phạm Nguyễn Phương Du	19001310	19T4-TMĐ1	13 / 30	1	
438	Nguyễn Tấn Phát	18000737	18T4-TKD1	13 / 30	1	
439	Thạch Thị Sang	19001559	19T4-TMĐ1	13 / 30	1	
440	Võ Phong Quang	19003208	19C1-CNL1	13 / 30	1	
441	Nguyễn Thị Kim Ngân	19000337	19T4-TMĐ1	13 / 30	1	
442	Huỳnh Võ Hạnh Thảo	20000632	20T4-TKD1	13 / 30	1	
443	Nguyễn Quốc Tuấn	19000873	19T4-CNO4	13 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
444	Trần Quốc Vương	20002438	20T4-CKC1	12 / 30	1	
445	Huỳnh Thị Trinh	20002237	20C1-CNM1	12 / 30	1	
446	Nguyễn Văn Lợi	20002535	20C1-CNM1	12 / 30	1	
447	Võ Thị Thu Ngân	20003939	20C1-CNM1	12 / 30	1	
448	Đinh Thị Trà My	20002641	20C1-CNM1	12 / 30	1	
449	Nguyễn Anh Đức	118001294	18T4-QTD1	12 / 30	1	
450	Trần Thị Như Quỳnh	20003911	20C1-CNM1	12 / 30	1	

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
451	Phan Nhật Tân	19003324	19T4-THU1	12 / 30	1	
452	Phan Chí Công	20003703	20C3-CCK1	12 / 30	1	
453	Nguyễn Hoài Nam	20003296	20C1-CCK2	12 / 30	1	
454	Trần Ngọc Như	20002205	20T4-KTD2	12 / 30	1	
455	Trần Quốc Khánh	20003201	20C1-CNL1	12 / 30	1	
456	Nguyễn Tường Vy	20000674	20T4-TKĐ1	12 / 30	1	
457	Nguyễn Trọng Hiếu	20003487	20C1-CNÔ8	12 / 30	1	
458	Nguyễn Minh Nhật	20002688	20T4-ANM1	12 / 30	1	
459	Trần Bảo Trí	18000510	18T4-TKĐ1	12 / 30	1	
460	Phan Minh Thành	19000613	19C1-CNL1	12 / 30	1	
461	Hà Nam Hùng	19002554	19C1-CNL1	12 / 30	1	
462	Nguyễn Lam Sơn	20004374	20C1-CNÔ13	12 / 30	1	
463	Trương Minh Tài	20004372	20C1-CNÔ13	12 / 30	1	
464	Lê Thành Danh	19000722	19T4-CNÔ4	12 / 30	1	
465	Đặng Kiến Khang	19000670	19T4-CNÔ4	12 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
466	Nguyễn Tuấn Kiên	20000816	20T4-TKD2	12 / 30	1	
467	Tân Minh Tuấn	18000834	18T4-TCD1	12 / 30	1	
468	Đặng Phúc Đại	19001085	19C1-ĐCN1	11 / 30	1	
469	Đinh Thị Diệu Quỳnh	20002664	20C1-CNM1	11 / 30	1	
470	Đoàn Thị Phương Uyên	18000269	18T4-QTD1	11 / 30	1	
471	Dương Văn Linh	20000984	20T4-TKĐ3	11 / 30	1	
472	Nguyễn Ngọc Minh Thư	20000995	20T4-KTD2	11 / 30	1	
473	Lê Hoàng Nguyễn	20001654	20T4-THU1	11 / 30	1	
474	Đào Trọng Nhân	20006279	20C2-THU1	11 / 30	1	
475	Nguyễn Phạm Tấn Minh	19002147	19C1-CNÔ5	11 / 30	1	
476	Võ Hùng Mạnh	20001877	20T4-LĐL1	11 / 30	1	
477	Hà Thanh Tân	1902141	19C1-CNÔ5	11 / 30	1	

STT	Họ và	Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
478	Nguyễn Vũ Vân	Anh	20005454	20T4-TMĐ1	11 / 30	1	
479	Lê Hoàng	Nhạn	19004504	19C1-CNÔ14	11 / 30	1	
480	Huỳnh Tấn	Hào	19003373	19C1-CNÔ10	11 / 30	1	
481	Nguyễn Vũ Anh	Khoa	19003525	19C1-CNÔ10	11 / 30	1	
482	Vũ Anh	Khoa	20001928	20T4-ANM1	11 / 30	1	
483	Trần Đức	Duy	20001611	20T4-TMĐ1	11 / 30	1	
484	Đỗ Viết Tuấn	Kiệt	20002153	20T4 CNL1	11 / 30	1	
485	Phùng Mai Đình	Huy	20000014	20T4-CNL1	11 / 30	1	
486	Hầu Văn	Tâm	20001912	20T4-CNL1	11 / 30	1	
487	Trần Quốc	Cường	20001890	20T4-CNL1	11 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
488	Phan Hoài	Phúc	19002289	19C1-CNÔ6	11 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
489	Hồ Văn	Nhân	19002329	19C1-CNÔ6	11 / 30	1	
490	Nguyễn Trung	Tính	20003203	20C2-CNÔ1	11 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
491	Phan Quang	Thiện	19002224	19C1-CNÔ6	11 / 30	1	
492	Trần Phúc Thục	Uyên	19000290	19T4-TMĐ1	11 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
493	Nguyễn Đại	Lợi	18000681	18T4-TKĐ1	11 / 30	1	
494	Lê Thiện	Minh	19004653	19C1-CNL1	11 / 30	1	
495	Nguyễn Quang	Tuấn	19003775	19C1-CNL1	11 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
496	Bùi Khắc	Triệu	20004257	20C1-CNÔ13	11 / 30	1	
497	Trần Minh	Luân	20004246	20C1-CNÔ13	11 / 30	1	
498	Trần Anh	Huy	20004364	20C1-CNÔ13	11 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
499	Nguyễn Quốc	Huân	19005267	19T4-CNÔ4	11 / 30	1	
500	Nguyễn Thành	Hưng	19000654	19T4-CNÔ4	11 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
501	Lại Khắc Thanh Thiên	An	19000877	19T4-CNÔ4	11 / 30	1	
502	Phạm Thành	Đạt	19000659	19T4-CNÔ4	11 / 30	1	
503	Đường Bá	Triều	19000663	19T4-CNÔ4	11 / 30	1	
504	Thái Bình Anh	Thư	20002101	20T4-KLB1	11 / 30	1	

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
505	Trần Hồng Ân	20001688	20T4-KLB1	11 / 30	1	
506	Nguyễn Hồng Minh	1800039	18T4-QTD1	10 / 30	1	
507	Võ Thị Trường Vy	20001884	20T4-CNM1	10 / 30	1	
508	Phạm Thị Trúc Linh	18000195	18T4-QTD1	10 / 30	1	
509	Nguyễn Trung Thắng	19001970	19C1-QTM1	10 / 30	1	
510	Đỗ Trần Phong	19003590	19C1-CNÔ5	10 / 30	1	
511	Nguyễn Công Trường Thịnh	19002103	19C1-CNÔ5	10 / 30	1	
512	Huỳnh Hữu Phúc	19002179	19C1-CNÔ5	10 / 30	1	
513	Nguyễn Bá Phát	20000851	20T4-TMD1	10 / 30	1	
514	Lê Vũ Quỳnh Như	20002528	20T4-TMD1	10 / 30	1	
515	Nguyễn Công Đoàn	19002155	19C1-CNÔ5	10 / 30	1	
516	Trần Khánh Minh Thông	20000043	20T4-ANM1	10 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
517	Dương Tấn Đạt	19004685	19C1-CNÔ14	10 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
518	Uông Minh Đức	19003378	19C1-CNÔ10	10 / 30	1	
519	Nguyễn Trinh Bình An	20001557	20T4-CNL1	10 / 30	1	
520	Võ Chí Tài	20001326	20T4-CNL1	10 / 30	1	
521	Nguyễn Thắng Đăng Khôi	20001209	20T4-CNL1	10 / 30	1	
522	Nguyễn Đức Trung Tín	20001156	20T4-CNL1	10 / 30	1	
523	Nguyễn Hy Nót	20002133	20T4-CNL1	10 / 30	1	
524	Lê Phạm Thành Tài	20001149	20T4-CNL1	10 / 30	1	
525	Lê Minh Hậu	20005671	20C2-CNÔ1	10 / 30	1	
526	Nguyễn Ngọc Tài	18000802	18T4-TKD1	10 / 30	1	
527	Nguyễn Thanh Vũ Luân	19002273	19C1-CNÔ6	10 / 30	1	
528	Vũ Đình Khoa	19003795	19C1-CNL1	10 / 30	1	
529	Nguyễn Khánh Linh	19005222	19C1-CNL1	10 / 30	1	
530	Phạm Minh Đức	20002968	20T4-CNL1	10 / 30	1	
531	Lê Quang Vinh	20004293	20C1-CNÔ13	10 / 30	1	

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
532	Phạm Ngọc Huy	20004310	20C1-CNÔ13	10 / 30	1	
533	Nguyễn Minh Trí	20004265	20C1-CNÔ13	10 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
534	Ngô Hoàng Thiện	20004242	20C1-CNÔ13	10 / 30	1	
535	Nguyễn Quốc Hải	20004308	20C1-CNÔ13	10 / 30	1	
536	Trần Thanh Tuấn	20000887	20T4-TKĐ2	10 / 30	1	
537	Trần Tuấn An	19000676	19T4-CNÔ4	10 / 30	1	
538	Nguyễn Tiến An	19000772	19T4-CNÔ4	10 / 30	1	
539	Tạ Ngọc Bảo Trân	20000120	20T4-KLB1	10 / 30	1	
540	Võ Văn Nhật	20004906	20C1-KML1	10 / 30	1	
541	Lê Hoàng Phúc	19004634	19C1-KML2	10 / 30	1	
542	Trần Quang Huy	19002158	19C1-CCK1	9 / 30	1	
543	Nguyễn Ngọc Minh Trí	18000531	18T4-CKC1	9 / 30	1	
544	Nguyễn Thị Mai Anh	18000318	18T4-QTD1	9 / 30	1	
545	Trần Gia Huy	19002769	19T4-THU1	9 / 30	1	
546	Lê Duy Thắng	19004474	19T4-THU1	9 / 30	1	
547	Nguyễn Lâm Bảo Châu	20000462	20T4-TKĐ1	9 / 30	1	
548	Huỳnh Nguyệt Quế Trân	20000681	20T4-TKĐ1	9 / 30	1	
549	Nguyễn Thanh Tú	20003482	20C1-CNÔ8	9 / 30	1	
550	Nguyễn Anh Tuấn	19002130	19C1-CNÔ5	9 / 30	1	
551	Đỗ Thanh Lễ	19002101	19C1-CNÔ5	9 / 30	1	
552	Phạm Thái Ân	19002122	19C1-CNÔ5	9 / 30	1	
553	Lê Quốc Tiến	19002140	19C1-CNÔ5	9 / 30	1	
554	Lê Nguyên Phát	19002124	19C1-CNÔ5	9 / 30	1	
555	Trần Lê Tuấn Minh	19002178	19C1-CNÔ5	9 / 30	1	
556	Trần Kiến Hào	19005327	19C2-CNÔ1	9 / 30	1	
557	Nguyễn Trần Phương Anh	20000385	20T4-TMĐ1	9 / 30	1	
558	Nguyễn Hoàng Hiệp	19005425	19C2-CNÔ1	9 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần

STT	Họ và	Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
559	Hồ Văn Châu	Giang	19005436	19C2-CNÔ1	9 / 30	1	
560	Nguyễn Võ Dĩ	Khang	19002651	19C1-ĐCN1	9 / 30	1	
561	Trần Minh	Đạt	20002534	20T4-ANM1	9 / 30	1	
562	Trịnh Hán	Lâm	20002120	20T4-ANM1	9 / 30	1	
563	Nguyễn Thành	Long	20000863	20T4-TKĐ2	9 / 30	1	
564	Hứa Kiến	Anh	20002752	20C1-CNÔ4	9 / 30	1	
565	Lâm Vĩnh	Thành	19004621	19C2-CNÔ1	9 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
566	Nguyễn Đức	Phong	19004366	19C1-CNÔ14	9 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
567	Phạm Ngọc Hoàng	Lan	20000228	20T4-TKĐ1	9 / 30	1	
568	Bùi Nguyễn Tuyết	Nhi	18000032	18T4-QTD1	9 / 30	1	
569	Trần Văn	Dung	20005030	20C1-CNL2	9 / 30	1	
570	Trần Gia	Huy	20004559	20T4-CNL1	9 / 30	1	
571	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Tâm	20000358	20T4-TKĐ1	9 / 30	1	
572	Phạm Tiến	Thành	19002230	19C1-CNÔ6	9 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
573	Lâm Thành	Nhân	19002287	19C1-CNÔ6	9 / 30	1	
574	Đỗ Thành	Công	19003175	19T4-THU1	9 / 30	1	
575	Lê Minh	Tráng	19002237	19C1-CNÔ6	9 / 30	1	
576	Trịnh Xuân	An	19003842	19C1-CNL1	9 / 30	1	
577	Huỳnh Hữu	Trọng	19003267	19C1-CNL1	9 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
578	Võ Hoài	Nam	20005405	20C1-CNÔ13	9 / 30	1	
579	Nguyễn Minh	Nhật	20004248	20C1-CNÔ13	9 / 30	1	
580	Lê Xuân	Giang	20004225	20C1-CNÔ13	9 / 30	1	
581	Nguyễn Ngọc	Hiếu	20003503	20C1-CNÔ13	9 / 30	1	
582	Nguyễn Quốc	Anh	19000677	19T4-CNÔ4	9 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
583	Trần Hùng	Văn	18001067	18T4-TKD1	9 / 30	1	
584	Nguyễn Trần Hoàng	Công	19003617	19C1-CNL1	9 / 30	1	
585	Lương Thiện	Thảo	18001300	18T4-NNA3	9 / 30	1	

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
586	Lê Thiên Bảo	20002488	20C1-KML1	9 / 30	1	
587	Nguyễn Tuấn Kiệt	20001707	20T4-CMT1	8 / 30	1	
588	Nguyễn Anh Thư	19000134	19T4-THU1	8 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
589	Phan Tài	20001184	20T4-CNÔ5	8 / 30	1	
590	Phạm Văn Toán	20003562	20C1-CNÔ8	8 / 30	1	
591	Nguyễn Điều Tài	20003428	20C1-CNÔ8	8 / 30	1	
592	Lưu Trung Hiếu	19005324	19C1-CNÔ15	8 / 30	1	
593	Nguyễn Tấn Long	19005018	19C1-CNÔ14	8 / 30	1	
594	Đặng Hoàng Khang	19002160	19C1-CNÔ5	8 / 30	1	
595	Trịnh Ngọc Quân	19002193	19C1-CNÔ5	8 / 30	1	
596	Hồ Văn Lượng	19002131	19C1-CNÔ5	8 / 30	1	
597	Nguyễn Văn Bình	19002095	19c1 cno5	8 / 30	1	
598	Nguyễn Trần Quốc Việt	18000250	18T4-VSL1	8 / 30	1	
599	Trần Anh Nhựt	18000742	18T4-VSL1	8 / 30	1	
600	Huỳnh Thị Vy	18002254	18T4-KTD1	8 / 30	1	
601	Nguyễn Ngọc Tuấn Anh	20003049	20T4-ANM1	8 / 30	1	
602	Nguyễn Hoàng Thiện	20000772	20T4-TKD2	8 / 30	1	
603	Bùi Long Vũ	19005336	19C1-CNÔ14	8 / 30	1	
604	Trịnh Minh Phi	19004331	19C1-CNÔ14	8 / 30	1	
605	Ha Công	19004515	19C1-CNÔ14	8 / 30	1	
606	Trần Gia Hut	20004559	20T4-CNL1	8 / 30	1	
607	Trần Phát Đạt	20002310	20T4-CNL1	8 / 30	1	
608	Nguyễn Minh Khoa	20000265	20T4-CNL1	8 / 30	1	
609	Nguyễn Vũ Hoàng Phúc	20003426	20C1-CNÔ8	8 / 30	1	
610	Trần Nguyễn Quốc Duy	19002245	19C1-CNÔ6	8 / 30	1	
611	Đặng Tấn Đạt	19002303	19C1-CNO6	8 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
612	Lê Gia Hào	19002227	19T4-TMD1	8 / 30	1	
613	Hồ Đỗ Tú Nhi	18000684	18T4-TKĐ1	8 / 30	1	

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
614	Từ Quang	Dũng	18T4-TKD1	8 / 30	1	
615	Đinh Văn	Hiếu	19C1-CNL1	8 / 30	1	
616	Lê Văn	Vương	19C1-CNL1	8 / 30	1	
617	Triệu	Quý	20T4-TKD1	8 / 30	1	
618	Lê Hồng	Phúc	20C1-CNÔ14	8 / 30	1	
619	Nguyễn Thành	Trung	20C1-CNÔ13	8 / 30	1	
620	Trần Thanh	Huy	20C1-CNÔ13	8 / 30	1	
621	Đào Linh	Vương	20C1-CNÔ13	8 / 30	1	
622	Nguyễn Võ Hoàng	Huy	20T4 TKĐ1	8 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
623	Phạm Hoài	Nam	20T4-TKD2	8 / 30	1	
624	Đoàn Minh	Thuận	19T4-CNÔ4	8 / 30	1	
625	Hồ Đình	Quý	19T4-CNÔ4	8 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
626	Võ Hữu Toàn	Khang	19T4-CNÔ4	8 / 30	1	
627	Nguyễn Ngọc Duy	Quang	20T4-TKD1	8 / 30	1	
628	Phạm Ngọc Minh	Tâm	20T4-TKD1	8 / 30	1	
629	Nguyễn Chánh	Tâm	20T4-TKD1	8 / 30	1	
630	Hạ Nguyễn Quốc	Huy	20T4-VSL2	8 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
631	Hồ Tấn	Phúc	20C1-TCD1	7 / 30	1	
632	Trần Tuấn	Kiệt	20C1-CNÔ8	7 / 30	1	
633	Phan Tấn	Phát	20C1-CNÔ8	7 / 30	1	
634	Trần Mạnh	Tiến	19C1-CNÔ15	7 / 30	1	
635	Lê Trung	Tuấn	19C1-CNÔ14	7 / 30	1	
636	Nguyễn Đăng	Triệu	19C1-CNÔ5	7 / 30	1	
637	Hồ Thê	Dân	19C1-CNÔ5	7 / 30	1	
638	Nguyễn Văn	Huy	19C1-CNÔ5	7 / 30	1	
639	Nguyễn Thành	Duy	20T4-TMD1	7 / 30	1	
640	Thạch Bô	Nị	19C2-CNÔ1	7 / 30	1	
641	Nguyễn Tường	Nghi	20T4-TMĐ1	7 / 30	1	

STT	Họ và Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
642	Nguyễn Tuấn Kiệt	20000747	20T4-TKĐ2	7 / 30	1	
643	Trần Mạnh Cường	20000159	20T4-ANM1	7 / 30	1	
644	Lâm Đức Lợi	20001296	20T4-TKĐ2	7 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
645	Hà Võ An	19002378	19C4-CNÔ1	7 / 30	1	
646	Nguyễn Đăng Bình	20001486	20T4-CNL1	7 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
647	Đặng Phú Thịnh	20000126	20T4-CNL1	7 / 30	1	
648	Lục Văn Duy	19001709	19T4-VSL1	7 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
649	Nguyễn Quốc Hiệp	20003540	20C2-CNÔ1	7 / 30	1	
650	Dư Trọng Thanh	19001466	19T4-TMĐ1	7 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
651	Mai Vinh Hiền	20000552	20T4-TKĐ1	7 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
652	Huỳnh Tấn Phát	20004336	20C1-CNÔ13	7 / 30	1	
653	Trần Văn Hiếu	20004298	20C1-CNÔ13	7 / 30	1	
654	Dương Quang Quốc	19000707	19T4-CNÔ4	7 / 30	1	
655	Bùi Văn Điền Sang	19000816	19T4-CNÔ4	7 / 30	1	
656	Nguyễn Vũ Minh Quân	18000871	18T4-TKD1	7 / 30	1	
657	Lương Truyết Hà	20000269	20T4-TKD1	7 / 30	1	
658	Trần Công Minh	19001432	19T4-VSL2	7 / 30	1	
659	Hà Văn Tình	19002175	19C1-CNÔ5	7 / 30	1	
660	Huỳnh Nhã Như	19005374	19T2-QTM1	6 / 30	1	
661	Huỳnh Minh Khôi	20000560	20T4-TKD1	6 / 30	1	
662	Dương Ngọc Quý	19002200	19C1-CNÔ5	6 / 30	1	
663	Trần Ngân Thanh	19002207	19C1-CNÔ5	6 / 30	1	
664	Phạm Hoàng Thông	19002133	19C1-CNÔ5	6 / 30	1	
665	Bùi Mai Anh Khoa	19002106	19C1-CNÔ5	6 / 30	1	
666	Nguyễn Hoài Lâm	20000960	20T4-TKD2	6 / 30	1	
667	Đỗ Cao Nguyên	19003153	19C1-CNÔ15	6 / 30	1	
668	Trần Võ Thanh Tùng	20001506	20T4-CNL1	6 / 30	1	
669	Phạm Trung Anh Dũng	19002221	19C1-CNÔ6	6 / 30	1	

STT	Họ và	Tên	MSSV	Lớp	Điểm số	Điểm cộng	Ghi chú
670	Huỳnh Nguyễn Quang	Duy	19002248	19C1-CNÔ6	6 / 30	1	
671	Nguyễn Xuân	Lộc	19003566	19C1-CNL1	6 / 30	1	
672	Nguyễn Văn	Quân	18001039	18T4-VSL1	6 / 30	1	
673	Nguyễn Khuyến	Du	20004327	20C1-CNÔ13	6 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
674	Phạm Ngọc	Sớm	20003240	20C1-CNÔ13	6 / 30	1	
675	Huỳnh Tấn	Trung	20004311	20C1-CNÔ13	6 / 30	1	
676	Trịnh Hoàng	Khang	19000727	19T4-CNÔ4	6 / 30	1	
677	Nguyễn Công	Nghĩa	18001334	18T4-TKĐ1	6 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
678	Hồ Minh	Phụng	19002299	19C1-CNÔ5	5 / 30	1	
679	Nguyễn Thanh	Danh	19005027	19C1-CNÔ14	5 / 30	1	
680	Lê Anh	Tuấn	19002134	19C1-CNÔ5	5 / 30	1	
681	Nguyễn Lê Anh	Phát	20001142	20T4-TKĐ2	5 / 30	1	
682	Nguyễn Anh	Thi	20000443	20T4-TKD1	5 / 30	1	
683	Nguyễn Hoàng Phước	Quân	20001768	20T4-CNL1	5 / 30	1	Tham gia thi nhiều lần
684	Nguyễn Tuấn	Kiệt	19002549	19T4-VSL1	5 / 30	1	
685	Phạm Minh	Kha	19004184	19C1-CNL1	5 / 30	1	
686	Nguyễn Khánh	Tường	19002655	19C1-CNL1	5 / 30	1	
687	Nguyễn Đức	Phát	19000693	19T4-CNÔ4	5 / 30	1	
688	Nguyễn Vũ Anh	Quân	19000709	19T4-CNÔ4	5 / 30	1	
689	Trần Ngọc	Thiện	20001538	20T4-CNL1	4 / 30	1	

Ghi chú: Danh sách gồm 689 thí sinh dự thi.

TM. BAN THƯỜNG VỤ ĐOÀN TRƯỞNG
PHÓ BÍ THƯ

(đã ký)

Nguyễn Yến Nhi

